PHỤ LỤC

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-UBND, ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

Trước điều chỉnh									Sau điều chỉnh							Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		TT	Danh mục dự án/công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
	TỔNG SỐ				**86,536.80**	**73,088.84**	**86,536.80**	**73,088.84**			**-**	**48,460.60**	**73,197.04**	**82,699.80**	**73,088.84**	**-**	
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**				**52,297.60**	**41,961.21**	**52,297.60**	**41,961.21**	**I**	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**		**48,460.60**	**42,069.40**	**48,460.60**	**41,961.21**	**-**	
1	Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Hà	2025	3,837.00	200.00	3,837.00	200.00	1							(200.00)	Xin hủy danh mục
2	Thuỷ lợi Đăk Pui, xã Đăk Tờ Kan	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Tờ Kan	2023-2024	3,410.00	2,800.00	3,410.00	2,800.00	2	Thuỷ lợi Đăk Pui, xã Đăk Tờ Kan	2023-2024	3,410.00	2,574.34	3,410.00	2,574.34	(225.66)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
3	Khu văn hóa thể thao xã Đăk Sao	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Sao	2023	3,157.00	3,030.00	3,157.00	3,030.00	3	Khu văn hóa thể thao xã Đăk Sao	2023	3,157.00	3,030.00	3,157.00	2,996.45	(33.55)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
4	Khu văn hóa thể thao xã Đăk Tờ Kan	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Tờ Kan	2023-2024	4,620.00	3,386.94	4,620.00	3,386.94	4	Khu văn hóa thể thao xã Đăk Tờ Kan	2023-2024	4,620.00	3,386.94	4,620.00	3,362.79	(24.15)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
5	Khu văn hóa thể thao xã Tê Xăng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Tê Xăng	2023-2024	2,695.00	2,690.00	2,695.00	2,690.00	5	Khu văn hóa thể thao xã Tê Xăng	2023-2024	2,695.00	2,690.00	2,695.00	2,641.15	(48.85)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
6	Nước sinh hoạt Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ngọc Yêu	2022	3,823.60	3,558.27	3,823.60	3,558.27	6	Nước sinh hoạt Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	2022	3,823.60	3,558.27	3,823.60	3,556.63	(1.64)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
7	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Chum 2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Tu Mơ Rông	2022-2023	1,430.00	1,300.00	1,430.00	1,300.00	7	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Chum 2	2022-2023	1,430.00	1,201.49	1,430.00	1,201.49	(98.51)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
8	Nâng cấp, sữa chữa nước sinh hoạt thôn Tam Rin	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ngọc Yêu	2023	2,640.00	2,400.00	2,640.00	2,400.00	8	Nâng cấp, sữa chữa nước sinh hoạt thôn Tam Rin	2023	2,640.00	2,359.06	2,640.00	2,359.06	(40.94)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
9	Cấp nước sinh hoạt các thôn xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Hà	2023	1,210.00	1,100.00	1,210.00	1,100.00	9	Cấp nước sinh hoạt các thôn xã Đăk Hà	2023	1,210.00	1,099.90	1,210.00	1,099.90	(0.10)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
10	Nâng cấp sửa chữa công trình thoát nước, vỉa hè các tuyến đường khu trung tâm huyện	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Hà	2023	1,874.40	1,704.00	1,874.40	1,704.00	10	Nâng cấp sửa chữa công trình thoát nước, vỉa hè các tuyến đường khu trung tâm huyện	2023	1,874.40	1,697.22	1,874.40	1,697.22	(6.78)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
11	Thuỷ lợi Đăk Sao (Hạng mục: Thuỷ lơi Ba Ron)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Sao	2022-2023	1,457.00	1,319.00	1,457.00	1,319.00	11	Thuỷ lợi Đăk Sao (Hạng mục: Thuỷ lơi Ba Ron)	2022-2023	1,457.00	1,305.36	1,457.00	1,305.36	(13.64)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
12	Đường Ty Tu đi khu sản xuất tập trung xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Hà	2022-2023	9,763.60	8,876.00	9,763.60	8,876.00	12	Đường Ty Tu đi khu sản xuất tập trung xã Đăk Hà	2022-2023	9,763.60	8,792.67	9,763.60	8,792.67	(83.33)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
13	Khu văn hóa thể thao xã Măng Ri	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Măng Ri	2024-2025	4,400.00	4,000.00	4,400.00	4,000.00	14	Khu văn hóa thể thao xã Măng Ri	2024-2025	4,400.00	3,286.00	4,400.00	3,286.00	(714.00)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
14	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Măng Ri	2025	2,310.00	200.00	2,310.00	200.00	15	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	2024-2025	2,310.00	1,691.14	2,310.00	1,691.14	1,491.14	Điều chỉnh tăng KHV NSTW, thời gian KC-HT
15	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Đăk Na	2023-2024	5,670.00	5,397.00	5,670.00	5,397.00	17	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	2023-2025	5,670.00	5,397.00	5,670.00	5,397.00		Điều chỉnh thời gian KC-HT
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**				**34,239.20**	**31,127.64**	**34,239.20**	**31,127.64**	**II**	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**			**31,127.64**	**34,239.20**	**31,127.64**	**-**	
1	Chợ trung tâm xã Ngok Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ngok Lây	2024-2025	4,516.20	4,105.64	4,516.20	4,105.64	1	Chợ trung tâm huyện Tu Mơ Rông	2024-2025	4,516.20	4,105.64	4,516.20	4,105.64	-	Điều chỉnh danh mục, vi trí xây dựng CT

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		TT	Danh mục dự án/công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	**Tổng số** *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				**Tổng số** *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	**Tổng số** *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
2	Trường Trung học cơ sở Bán trú Dân tộc thiểu số Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đăk Hà	2022-2024	9,030.00	8,210.00	9,030.00	8,210.00	1	Trường Trung học cơ sở Bán trú Dân tộc thiểu số Tu Mơ Rông	2022-2024	9,030.00	8,657.51	9,030.00	8,657.51	447.508	Điều chỉnh tăng KHV NSTW
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Đăk Na		Đăk Na	2022-2024	3,693.00	3,358.00	3,693.00	3,358.00	2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Đăk Na	2022-2024	3,693.00	3,287.55	3,693.00	3,287.55	(70.453)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọk Yêu		Ngok Yêu	2022-2024	3,939.00	3,581.00	3,939.00	3,581.00	3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọk Yêu	2022-2024	3,939.00	3,488.33	3,939.00	3,488.33	(92.672)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
5	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọk Lây		Ngok Lây	2022-2024	3,939.00	3,581.00	3,939.00	3,581.00	4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọk Lây	2022-2024	3,939.00	3,464.31	3,939.00	3,464.31	(116.694)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
6	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Măng Ry		Măng Ri	2022-2024	3,665.00	3,332.00	3,665.00	3,332.00	5	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Măng Ry	2022-2024	3,665.00	3,233.79	3,665.00	3,233.79	(98.214)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW
7	Trường Tiểu học xã Đăk Hà		Đăk Hà	2022-2024	5,457.00	4,960.00	5,457.00	4,960.00	6	Trường Tiểu học xã Đăk Hà	2022-2024	5,457.00	4,890.53	5,457.00	4,890.53	(69.475)	Điều chỉnh giảm KHV NSTW